

TỔ HỮU - NGƯỜI THƠ

ĐOÀN TRỌNG HUY*

TÓM TẮT

Tổ Hữu là nhà cách mạng - nhà thơ, tồn tại trong lịch sử cách mạng và lịch sử văn học nước nhà.

Bài viết nghiên cứu tập trung về sự nghiệp thơ ca, cốt cách thi sĩ của Tổ Hữu với một số luận điểm lớn như sau: (i) Tổ Hữu là một thi sĩ thiên tài, có tố chất bẩm sinh; (ii) Tổ Hữu làm thơ say mê và quyết liệt một đời; (iii) Tổ Hữu là người lao động nghệ thuật miệt mài, nghiêm túc, hết mình.

Trên tất cả, đó là một nhà thơ lớn có bản lĩnh nghệ thuật và tay nghề lão luyện, một đời đam mê sáng tạo.

Từ khóa: Tổ Hữu, thơ Tổ Hữu.

ABSTRACT

To Huu – the poet

To Huu is a revolutionist and a poet, who is acknowledged in our country's revolution and literature history.

The article focuses on studying the poetry career and the poet's nature of To Huu, including the following main arguments: (i) To Huu is an innate genius in poetry, (ii) To Huu dedicated his whole life to writing poems passionately, (iii) To Huu is a conscientious and enthusiastic artist.

Above all, he is a great poet with high art spirit and a skilled professional whose love for a lifetime is creativeness.

Keywords: To Huu, To Huu's poem.

1. Mở đầu

Tổ Hữu là nhà cách mạng lớn. Một nhà cách mạng suốt đời nhập cuộc, dẫn thân hoạt động chính trị, một lãnh đạo cao cấp trong tổ chức Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, Tổ Hữu là nhà cách mạng - nhà thơ.

Ông hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, làm thơ với tay nghề lão luyện, không hẳn là vừa làm cách mạng vừa làm thơ, thậm chí coi thơ là công việc tay trái, cũng không hẳn là làm cách mạng bằng hoạt động thơ ca.

Tổ Hữu tồn tại trong lịch sử cách mạng, đồng thời có vị trí trong văn học sử như một nhà thơ lớn của dân tộc.

2. Một thi sĩ bẩm sinh với hồn thơ mãnh liệt

Tổ Hữu có tài thơ thiên bẩm. Thuở nhỏ có thể coi Nguyễn Kim Thành (tên thật của Tổ Hữu) là một thần đồng thơ của miền quê Phù Lai xứ Huế. Thơ đến với Tổ Hữu từ tuổi ấu thơ.

Nhờ cha dạy, vừa tròn 4 tuổi, Thành đã biết viết chữ. Đến 6,7 tuổi cậu bé hay chữ trở nên hay thơ. Cứ khoảng 4 giờ sáng là được gọi dậy hầu trà ông bố và làm “thư kí” chép thơ cho ông. Ông

* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

bố thi đến Tam trường không đậu, chuyển qua học quốc ngữ. Ông có cái thú đặc biệt trong cuộc đời là sưu tầm ca dao, tục ngữ và làm thơ. Cậu bé Thành chép ca dao, tục ngữ cho cha và cũng có khi chép thơ của ông. Đó là những vần thơ bảy chữ bốn câu, tám câu thổ lộ tâm tình của lớp người già thuở mất nước hay vịnh cảnh thiên nhiên, nước non... Ông cùng bạn bè ngâm nga bên chén nước, bàn trà và cậu bé “thư kí” hầu thơ cũng ngâm dần thơ phú, thơ lục bát hoặc Đường thi cổ điển, đã hình thành tự nhiên một hồn thơ trẻ.

Tổ Hữu rất may mắn được sinh ra trong cái nôi thơ ca gia đình. Ông bố đã ngâm men say ca dao, tục ngữ. Bà mẹ cũng vậy, rất mê hát những làn điệu dân ca... Ấy là chưa kể theo gia đình ra Hội An, rồi Huế, cậu Thành cũng được tiếp thu thêm những ánh sáng văn hóa mới ở chốn đô hội kinh thành.

Nhờ cha dẫn dắt trong bước đầu chập chững, cậu bé cũng dần dần ghép được chữ thành câu có vần điệu, làm những bài thơ nhỏ, được ông và các chú, bác khuyến khích.

Đây là mấy dòng hồi ức của tuổi thơ thi sĩ: *“Tôi nhớ năm lên 10 tuổi, có lần một ông khách đến chơi, tặng cha tôi bức tranh vẽ đôi chim đậu trên cành mai. Cha tôi bảo tôi vịnh bức tranh. Tôi nghĩ một lúc rồi chấp tay đọc:*

*Đôi chim chèo bẻo đậu cành mai
Đầu đỏ lông đen đẹp cả hai
Đôi mỏ giao đầu hình nói chuyện
Chim này đó bắt, hồi kia ai*

Ông khách nghe xong cười, vỗ đùi khen ‘thằng này khá, câu cuối nghe cũng góm lăm. Chưa chừng sau này hẳn sẽ làm nên gì đây’. Rồi ông thưởng cho tôi một xu”

Con đường đến với thơ của Tổ Hữu cũng thật tự nhiên. Từ nẻo thâm nhập đời sống người lao động cực khổ với những cảnh đời vất vả, làm lụi, tăm tối, anh thanh niên học sinh được khơi dậy lòng trắc ẩn, cảm thương như những tia lửa nhân văn đầu tiên. Ấy là những ngày tham gia Đoàn Thanh niên Dân chủ thành phố, cùng hàng vạn quần chúng đi đòi dân chủ, dân sinh, bị đuổi khỏi nội trú Trường Quốc học, phải tự kiếm sống, làm gia sư ở xóm nghèo chợ Cống.

Hiệu sách nhỏ Hương Giang của Hải Triều cũng là nguồn cung cấp bao tri thức mới lạ về văn chương, chính trị và thơ phú cho cậu học sinh 15 tuổi. Lần đầu, Đảng có một tờ báo công khai ở Huế. Phan Đăng Lưu chính là người thầy đầu tiên hướng Tổ Hữu vào dòng thơ cách mạng. Bài thứ nhất anh viết cho báo *Dân là Mỏ côi*, trong đó có thân phận của cá nhân:

*Con chim non rũ cánh
Đi tìm tổ bơ vơ
Quanh nẻo đường hiu quạnh
Lướt lướt dưới dòng mưa*

Sau đó là những bài thơ về những cuộc đời khổ cực, bất công xung quanh: *Hai đứa bé, Vú em, Lão đây tớ...* Đó đều là những phiên bản chân thực của cuộc sống đời thường, dân dã. Tổ Hữu trở thành “cây” thơ của báo.

Cái cảm giác về Đời và Cách mạng đã hòa quyện thành cảm xúc thơ hồn nhiên mà mãnh liệt. Bài **Từ ấy** xuất thân như tặng phẩm trời cho nhà thơ trẻ! Hình tượng thơ tuyệt đẹp với tâm hồn như một vườn hoa lá “*Rất đậm hương và rộn tiếng chim*” vì ánh nắng hạ của “*mặt trời chân lí*”. Và, một mảng thơ tranh đấu đã là minh chứng cho một thi sĩ cách mạng thực thụ giữa lúc làng *Thơ mới* xuất hiện bao thi tài: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên... thì nhà thơ được Xích Điều tôn “**Tổ Hữu nhà thơ của tương lai**” trên báo *Mới*.

Không bao lâu, từ khi xuất hiện trên thi đàn qua *Dân, Nhân lực, Thế giới*, nhà thơ trẻ bị bắt và bắt đầu chặng đường thơ cách mạng. **Từ ấy** với một hồn thơ đã bắt đầu mãnh liệt từ ánh nắng, “*mặt trời chân lí*” chói lọi.

Cũng là một thế hệ nhà thơ trong một thời, cùng xuất thân từ nhà trường, hấp thu văn hóa Âu Tây và phần nào ảnh hưởng phong trào dân chủ 1935 - 1937 nhưng đã có sự phân hóa rõ rệt. Họ giác ngộ và đến với cách mạng sớm, muộn và đi những bước nhanh, chậm có khác biệt. Ấy là do những sức sống hồn thơ khác nhau và được nuôi dưỡng bằng những mảnh đất không như nhau.

Chế Lan Viên sau này đã làm bài thơ **Ngoảnh lại mười lăm năm** riêng tặng anh Lành mến yêu với sự phân tích sâu sắc thân phận và con đường của thi sĩ đương thời *Một lòng nhưng hai ngã/ Hai sông thơ hai dòng./ Anh sông Hồng sông Mã/ Gầm reo trong lửa đạn.../ Tôi như con sông Thương/ Chảy lòng mình*

thương nhớ.../ Như Tô lịch mỗi mòn/ Thời gian muốn lấp bùn. Thật là một sự trải lòng hết sức chân thành và phân tích, tự nghiệm rất sâu sắc.

3. Làm thơ trong mọi hoàn cảnh cho dù khắc nghiệt nhất

Từ ấy là tập thơ mà đa số bài thơ trong đó được viết trong thời gian bị cầm tù, sau đó là những năm vượt ngục hoạt động bí mật tại các cơ sở quần chúng và các căn cứ cách mạng tại chiến khu Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa (Chiến khu Quang Trung). Nhìn chung, đó là những sáng tác thơ gắn bó máu thịt với đấu tranh cách mạng.

Mảng thơ trong tù cũng có dòng chảy riêng trong văn học yêu nước và cách mạng từ thời cận đại. Đó là thơ của các chí sĩ tiêu biểu như Phan Chu Trinh với tinh thần đấu tranh bất khuất: **Đập đá Côn Lôn, Santê thi tập** và hàng trăm bài được viết khi bị đày ở Côn Đảo và giam ở ngục San tê Pari. Đặc biệt là **Nhật kí trong tù** của Hồ Chí Minh.

Người thanh niên dần thân vào cách mạng là xác định một con đường đầy gian khó, hiểm nguy. Trong tù, chiến sĩ - thi sĩ Tố Hữu cùng lên tiếng, dần thân vào **Xiềng xích, Máu lửa**. Hồn thơ cộng sản càng dạt dào, sôi nổi. Làm thơ ở bất cứ hoàn cảnh nào: một buổi trưa nắng gắt trong nhà lao “*Một mùa hè vẫy riết một hồn thơ*” (**Trưa tù**), một cuộc đấu tranh quyết liệt để bảo vệ bạn tù (**Tranh đấu**) và “*những ngày điên phần uất*”. Rồi vào “*Một đêm không mưa mà gió lạnh*”, lời thơ như lời an ủi, động viên nhau của đôi linh hồn trẻ (**Đôi bạn**). Trong những ngày

tuyệt thực, thân xác kiệt quệ nhưng những lời **Trăng trôi** vẫn bật ra như tiếng nói quyết liệt, sẵn sàng hi sinh vì nghĩa lớn như hoàn thành bốn phận:

Vui vẻ chết như cày xong thửa ruộng

Và trong mơ thơm ngát lúa đồng xanh.

Vui nhẹ đến trên môi cười hi vọng...

Thơ ấy ở trong lòng, là lời tự dặn lòng cũng là lời nhắn bạn. Nhận định chung đã thống nhất: **Từ ấy** là tiếng hát chiến đấu vì lí tưởng của người thanh niên cộng sản, là sự thể hiện của **Cái tôi chiến sĩ**.

Paven trong **Người mẹ** của Gorki và Paven trong **Thép đã tôi thế đấy** của Nikolai A. Ostrovsky đã là những thần tượng của nhà thơ. Người chiến sĩ Tố Hữu cũng muốn được tôi luyện trong lửa đỏ để trở thành con người thép, vì vậy mà anh có những vần thơ thép, những vần thơ phát ra trong ngọn lửa đấu tranh, từ một hồn thơ bốc lửa.

Vậy là chiến sĩ, thi sĩ đồng hành. Là thi sĩ đích thực, hồn thơ ấy có phần **tươi xanh**: nhớ đồng quê, cảm nhận trời nước “*trong veo*”, yêu chim tha thiết với trời hồng và “*nhành non lá mới*” mùa xuân...

Bài thơ làm trong lần chuyển nhà giam là bài thơ đường trường, dậm dài. Nhà thơ trẻ nhận ra tất cả những gì lưu luyến nhất, từ khung cảnh hào hùng đến âm thanh tha thiết: *Đường lên xứ lạ Kon tum/ Quanh quanh đèo chật, trùng trùng núi cao/ Thông reo bờ suối rì rào/ Chim chiều chiu chít, ai nào kêu ai? Tiếng hát*

đi đầy như vậy là tiếng hát kì lạ. Có thể liên hệ với tình cảnh oái oăm của người tù vĩ đại Hồ Chí Minh trong bài thơ **Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh** [2]. Chân bị treo ngược “*tựa gảo hình*” mà vẫn nhận ra cuộc đời xanh tươi: làng xóm đôi bờ và con thuyền nhẹ lướt trên sông.

Tố Hữu được mệnh danh là nhà thơ chính trị, nhà thơ thời sự. Thơ ấy là “*thơ trăm phần trăm*” (Trương Chinh). Ấy là vì hồn thơ Tố Hữu cực kì nhạy cảm, nắm bắt kịp thời hiện thực, những sự kiện, những con người. Chiến thắng Điện Biên Phủ có ngay **Hoan hô chiến sĩ Điện Biên**. Kháng chiến thắng lợi, tháng 10-1954 có ngay bài chia tay **Việt Bắc** và tiếp quản Thủ đô **Lại về**.

Kỉ niệm Đảng, Tố Hữu kịp thời có những bài thơ tặng Đảng. Xuân về, Tết đến, thơ mừng xuân của Tố Hữu như lá thiệp chúc tụng, tâm tình được bao người chờ đón, hân hoan. Đặc biệt với những sự kiện chấn động, thơ như xuống đường cùng hàng vạn tâm lòng: **Thù muôn đời muôn kiếp không tan, Hãy nhớ lấy lời tôi...** Mảng thơ “*du kí*”, vào tuyến lửa Khu Bốn như nhật kí trên đường. Cuốn “*du kí*” có ý nghĩa như “*đi sứ*” cũng là thơ có ngay, thậm chí ngay khi ở đất bạn (**Từ Cuba**) hoặc trên đường bay (**Nhật kí đường về**). Có những bài thơ gần như làm ngay tại trận, tức khắc, cũng có bài mất vài giờ, qua một đêm. **Bầm ơi** là bài thơ được viết rất nhanh, như vậy.

Tất nhiên, nói nhanh, nhạy, kịp thời là đúng lúc với dịp đó, có thể là sau một sự kiện không lâu. Như **Nước non ngàn dặm** là viết sau chuyến đi dài được nghỉ

dưỡng ít ngày. Những bài thơ viết sau ngày Bác Hồ qua đời lại là những trường hợp đặc biệt. Chiều 2-9, trong cơn mưa tầm tã, nghe tin Bác mất, nhà thơ đang ốm, từ bệnh viện chạy về, ngồi bên nhà sàn mà không cầm được nước mắt. Không ăn uống gì, suốt đêm ấy, ông vừa khóc vừa viết bài **Bác ơi**. Bài thơ được Tố Hữu trực tiếp đọc và phát trên đài phát thanh đúng hôm cả nước tiễn đưa Bác. Cuối năm 1969, nhà thơ lại ốm nặng. Ông được đưa sang Liên Xô chữa bệnh. Tố Hữu nghĩ: còn sống ngày nào còn phải làm một việc có ích và nghĩ ngay việc hoàn thành một bài thơ lớn. Thực ra, **Bác ơi** đã là bài thơ “rút ruột” ra mà viết, nhưng đó là một “vòng hoa”, giờ đây phải làm nên một “đài hoa” hoành tráng. Trường ca **Theo chân Bác** được sáng tác trong hoàn cảnh thật éo le: nhà thơ bị cấm làm việc. Theo hồi ký của Vũ Thị Thanh - người bạn đời của ông - ghi trong **Kí ức người ở lại** (Văn học - 2012) thì “thư phòng” bí mật là “*một phòng xếp nhỏ độ 3m², vốn là chỗ chứa dụng cụ y tế phục vụ riêng cho phòng cách li của anh*”. Trốn biệt vào phòng, viết liền một tháng để kịp công bố vào tháng 01-1970. Bài thơ cũng là sự “vắt kiệt” tâm hồn, lòng kính yêu Bác một đời của nhà thơ – người đã có 20 năm gần gũi Bác. Trước đó, **Thù muôn đời muôn kiếp không tan** như những vần thơ “đã được chắt ra từ những giọt máu tự đáy con tim của mình”, theo lời tự bạch ở cuốn hồi ký lớn **Nhớ lại một thời** (Văn hóa - thông tin, 2012). Nhà thơ tự nhận: “*Đây là bài thơ kêu gọi dữ dội nhất, thống thiết nhất mà*

tôi đã đọc trực tiếp trước đồng bào trên đường phố”.

Cắt nghĩa sự nhanh nhạy của hồn thơ Tố Hữu phải tìm vào chiều sâu của tâm lí sáng tạo nghệ thuật. Có những suy tư thâm trầm, có những cảm xúc tích tụ, những linh cảm đã thấm đượm bỗng bất gặp sự kiện, hiện tượng, hình ảnh để bùng phát thành thơ. Phải nung nấu ý tưởng, suy nghiệm, nghiền ngẫm về sự kiện anh hùng, về chủ nghĩa anh hùng cách mạng đến khi gặp người anh hùng với những hiện thực sống động mới tạo ra được hình tượng người anh hùng trong thơ. Hình tượng cao đẹp đến mức hoàn hảo là sự gặp gỡ kì lạ như ngẫu nhiên mà tất yếu giữa lí tưởng thâm mĩ và đối tượng thâm mĩ: là kết quả của cả một quá trình dài lâu, thậm chí cả một đời thơ, được thăng hoa thành nghệ thuật. Điều đó vô cùng chính xác trong những trường hợp con người lí tưởng được hiện thực hóa hoặc ngược lại, con người hiện thực được lí tưởng hóa (**Người con gái Việt Nam, Hãy nhớ lấy lời tôi, Mẹ Suốt, Một con người, Nhớ về Anh** và nhiều bài về Bác Hồ, về Lê-nin).

4. Lao động thơ hết mình

Bắt đầu từ năm 1937, khi có bài thơ đầu tiên đăng báo đến trước lúc ngã bệnh (với bài **Cảm nghĩ đầu xuân 2002**), Tố Hữu đã có 65 năm cầm bút. Một đời thơ cần mẫn, miệt mài, đam mê tuyệt vời, một sự nghiệp lao động nghệ thuật cao đẹp hiếm có.

Tố Hữu là người làm thơ có nghề. Tất nhiên ban đầu chưa hẳn là có những quan niệm đầy đủ và chính xác nhưng đã

sớm xác định được những gì là cơ bản nhất. Ấy là tư tưởng nghệ thuật chủ đạo cho việc làm thơ. *Từ ấy*, về một phương diện là thơ luận chiến. *Dừng dưng* là đáp lại Nam Trân, *Tháp đổ* là nói với Chế Lan Viên, *Tiếng hát sông Hương* là bác bỏ quan niệm của tác giả *Đời mưa gió* [1]. Cuộc luận chiến này bao hàm cả những bàn luận về khái niệm triết học, tôn giáo.

Dần dần trong những chặng đường sáng tác, Tố Hữu phát biểu những tuyên ngôn thơ, những quan niệm về thơ, về làm thơ.

Đây cũng là một yêu cầu tất yếu, gần như là điều kiện tiên quyết cho một nhà thơ có ý thức về sáng tác. Còn nhớ *Trường thơ Loạn* đã ra tuyên ngôn ồn ào qua *Tựa Điều tàn*. Thực ra với luận chiến thơ vừa nêu, Tố Hữu cũng tự nhận: “*Đạo ấy tôi hằng lăm, và cũng ồn ào lạ*” [1], bởi tất cả được đặt vào cuộc tranh luận lớn nổi tiếng một thời: “*Nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh*”.

Mỗi nhà thơ cách mạng thường có phát biểu về quan niệm thơ theo cách hiểu và đề xuất riêng nhưng phải phù hợp với những nguyên lý sáng tạo thơ ca và mỹ học nói chung. Tố Hữu đã có những quan niệm chính xác và nhất quán trong đời thơ của mình.

Đặc biệt nổi bật là *tính thời sự, tính chiến đấu* của thơ ca cách mạng.

Tố Hữu cũng nhấn mạnh tình cảm, tâm trạng như yếu tố bản chất quan trọng bậc nhất như vốn có trong quan niệm thơ ca truyền thống.

Nhà thơ vì vậy phải có tấm lòng trước cuộc đời, tấm lòng riêng nhưng gắn bó nhuần nhuyễn với lí tưởng, tình cảm của quần chúng, yêu cầu đồng cảm hết sức cao “*thơ là chuyện đồng tình*”, “*thơ là tiếng nói đồng ý, đồng tình, tiếng nói đồng chí*”. Làm thơ như vậy là phải đạt sự giao cảm cao nhất.

Khi nêu “*thơ không phải là văn chương mà chính là gan ruột*”, đồng thời Tố Hữu cũng đề cập “*Tôi cho người làm thơ trước hết phải chân thật với mình, với đồng chí mình, với Đảng mình, với nhân dân mình, với thời đại mình*”. Như vậy là yêu cầu phẩm chất chân thành như cốt lõi nhân cách nhà thơ. Thơ có tài là thơ nói rõ ra được cái thật. Nhà thơ tài năng là nhà thơ chân thật nhất.

Khi nói nhà thơ có nghề cũng có nghĩa là có tay nghề có kĩ thuật cao trong nghề để thực hiện quan niệm, lí tưởng thơ. Tố Hữu là như vậy. Đó là bậc thầy về sử dụng thể loại, ngôn ngữ, xây dựng hình ảnh, hình tượng thơ. Tố Hữu làm thơ ở trên tầm vĩ mô: tìm ý thơ, cấu tứ thơ, đặc biệt là sáng tạo và nuôi dưỡng những cảm hứng thơ chủ đạo. Từ đó là kết cấu, tạo dựng ý cảnh, hòa trộn vần điệu, ngôn ngữ.

Một đời lao động thơ đã đem lại hiệu quả nghệ thuật như nhà thơ mong muốn.

Thơ Tố Hữu đẹp ở sự giản đơn mà sâu sắc. Ấy là cái giản dị đã qua tinh luyện, gọt giũa một cách nghệ thuật.

Thơ Tố Hữu đạt được là cái “*nhụy của cuộc sống*” cũng là cái “*nhụy của*

tâm hồn”. Nói cách khác, thơ mang vẻ đẹp tinh lọc, là một tinh chất.

Thực ra, nhà thơ đã trải qua một quá trình lao tâm khổ tứ, như lời tự bạch: làm thơ vất vả lắm. Ta hiểu đó là sự vất vả cao siêu và đáng yêu. Nghĩa là phải chạy đua, đón đầu và nắm bắt cuộc sống để có sự thống nhất yêu cầu cuộc sống và bản thân.

Tuy nhiên, sự lao động âm thầm, khó nhọc đến mức vất vả, nghiệt ngã là lao động chữ nghĩa, cụ thể là khi làm thơ và khi sửa thơ. Nhất là sửa thơ, vì phải nhìn lại, xét lại thậm chí cảm lại với con mắt nhìn và cái tai mới mà vẫn giữ nguyên được tính lịch sử về toàn cục.

Việc chọn thơ đưa vào các tuyển tập là một thí dụ rõ nhất: Chọn *100 bài thơ*, làm *tuyển tập*, dựng *toàn tập*. Phần *Phụ lục của Tố Hữu toàn tập* (thơ) (*Văn học* - 2008) có ghi bút tích sự tuyển lựa của Tố Hữu là một minh chứng.

Tuy nhiên, việc sửa chữa thơ còn vất vả hơn nhiều. Một tập *Tố Hữu - Tư liệu tác gia* (*Đại học Sư phạm Hà Nội* - 1970) chỉ so sánh *Từ ấy* (1) (*Văn học*, Hà Nội, 1959) với *Thơ Tố Hữu* (2) (*Văn hóa cứu quốc Việt Nam*, Hà Nội, 1946) cũng đã thấy có rất nhiều sửa chữa:

- Những bài có trong (1) không có trong (2): 8 bài (*Hỏi cụ Ngáo*, *Như những con tàu*, *Tiếng sáo Ly Quê*, *Bà má Hậu Giang*, *Năm xưa*, *Huế tháng Tám*, *Thưa các ông nghị*, *Vui bất tuyệt*).

- Những bài có trong (2) không có trong (1): 5 bài (*Đi Tây*, *Hai cái chết*, *Sám hối*, *Bên thác*, *Việt Nam quyết chiến*).

- Cùng một bài khác đề mục (nhân đề): 6 bài (Trong *Từ ấy*: *Năm xưa*, *Qua cổ tháp*, *Đôi bạn*, *Đói, đói*, *Vỡ bờ*, *Đời thơ*; trong *Thơ Tố Hữu*: *Một cảnh hai lòng*, *Hòn vong quốc*, *Đôi lòng*, *Ca dao*, *Không chịu chết đói*, *Lòng thơ*).

- Những câu thơ, chữ dùng khác nhau giữa 2 bản: 42 bài (1. *Đi đi em*, 2. *Hồn chiến sĩ*, 3. *Vú em*, 4. *Chiều*, 5. *Lão đầy tớ*, 6. *Tiếng hát Sông Hương*, 7. *Hầm người*, 8. *Xuân lòng*, 9. *Đông Kinh nhuộm máu*, 10. *Li rượu thơ*, 11. *Lao Bảo*, 12. *Những người không chết*, 13. *Tâm tư trong tù*, 14. *Trưa tù*, 15. *Quanh quán*, 16. *Nhớ người*, 17. *Nhớ đồng*, 18. *14 tháng 7*, 19. *Giờ quyết định*, 20. *Dậy lên thanh niên*, 21. *Năm xưa*, 22. *Đông*, 23. *Châu Ro*, 24. *Đôi bạn*, 25. *Trăng trời*, 26. *Quyết hi sinh*, 27. *Qua cổ tháp*, 28. *Cảm thông*, 29. *Một tiếng rao đêm*, 30. *Dậy mà đi*, 31. *Đời thơ*, 32. *Người về*, 33. *Tiếng hát đi đày*, 34. *Dưới trưa*, 35. *Đêm giao thừa*, 36. *Đói, đói!*, 37. *Vỡ bờ*, 38. *Đi*, 39. *Xuân đến*, 40. *Hồ Chí Minh*, 41. *Giết giặc*, 42. *Xuân nhân loại*).

- Tổng số câu: 134

So sánh 3 bản *Việt Bắc: Thơ Tố Hữu* (*Khu học xá Trung ương* - 1954) - *Việt Bắc* (I) 1954 - *Việt Bắc* (II) 1962. Sự phát hiện sửa chữa là 22 bài (với nhiều câu).

Lại có so sánh bài *đăng báo* và bài *in vào tập thơ*: Từ *Việt Bắc* đến các tập thơ *Gió lộng*, *Ra trận*... cũng có nhiều trường hợp sửa chữa.

Nếu so sánh tác phẩm ở những lần xuất bản (I), (II)... ta sẽ thấy còn rất nhiều trường hợp có thể thống kê.

Sửa chữa thơ là công việc bình thường của các nhà thơ, không ngoại trừ trường hợp Tố Hữu. Có điều là Tố Hữu cần trọng hơn, kĩ lưỡng hơn. Mục đích cơ bản cũng đều giống nhau: làm cho thơ hay hơn, đẹp hơn. Tuy nhiên, ở Tố Hữu, có thể nhấn mạnh rằng sửa chữa thơ còn để làm cho thơ *đúng hơn, thật hơn và hay hơn*. Đây là trường hợp đã bỏ rồi, sau cùng lấy lại, như *Sáng tháng Năm* (II): lấy lại 3 câu đã đăng báo *Nhân dân* 1951 (I): *Con bỏ câu trắng ngây thơ (II)/ Nó đi tìm thóc quanh bờ công vãn/ Lát rồi chim nhé, chim ăn [II]/ Bác Hồ còn bận khách vãn đến nhà [III]*.

Loại bỏ những sai trái về hiện thực hoặc tư tưởng. Ví dụ, cũng ở *Sáng tháng*

Năm: sau *Ta bỗng lớn ở bên Người một chút* bỏ đi 4 câu có khuynh hướng thần thánh hóa lãnh tụ, làm cho nội dung và hình thức gấn bó nhuần nhuyễn hơn, tính ý hài hòa hơn...

5. Kết luận

Tóm lại, sửa chữa, chỉnh lí thơ thể hiện một tâm hồn biết lắng nghe, một tinh thần thực sự cầu thị và cũng thể hiện một sự tiến bộ, dù nhỏ, về tư tưởng, nghệ thuật thơ của Tố Hữu. Đó là một trách nhiệm cũng là đam mê lao động nghệ thuật một đời của nhà thơ. Trên hết, đó cũng là minh chứng cho bản lĩnh nghệ thuật vững vàng của một thi sĩ cách mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Minh Đức (2008), *Tố Hữu - cách mạng và thơ*, Nxb Văn học.
2. Hồ Chí Minh, *Thơ Toàn tập*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2000.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-11-2012; ngày phản biện đánh giá: 04-01-2013; ngày chấp nhận đăng: 04-3-2013)